

BÁO CÁO

**Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước, nguồn khác Quý IV năm 2021**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020”

Phòng công chứng số 1 báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý IV năm 2021

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2021 theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên Website của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn); Trụ sở làm việc của đơn vị .

3. Thời điểm công khai: Ngày *28/01/2022*

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý IV năm 2021

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

a, Thu phí công chứng: 271.045.000đ đạt 0,54% so với dự toán giao và đạt 0,51% so với cùng kỳ năm 2020

b, Nộp ngân sách NN: 108.418.000đ đạt 0.54% so với dự toán giao và đạt 0,41% so với cùng kỳ năm 2020

c, Chi: 170.628.000đ đạt 1,25% so với dự toán giao

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 1.009.000.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2021: 228.858.983 đạt 2,5% so với dự toán giao và đạt 8,7% so với cùng kỳ năm 2020

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 74.000.000đ

- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý IV/2021: 21.000.000đ

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, phí công chứng quý IV năm 2021 của Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Website STP;
- Lưu KT, VT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình

Chương: 414

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chi tiêu	Dự toán năm 2021	Thực hiện Quý IV/ 2021	Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	500.000.000	271.045.000	0,54	0,51
I	Số thu phí, lệ phí	500.000.000	271.045.000	0,54	0,51
1.1	Lệ phí	-	-	-	-
1.2	Phí	500.000.000	271.045.000	0,54	0,51
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	550.000.000	162.627.000	1,25	0,61
	Chi từ nguồn thu phí được để lại	300.000.000	170.628.000	1,25	0,84
	Nguồn phí năm trước chuyển sang	250.000.000			
	Lương ngạch bậc	214.000.000	98.016.000	0,46	2,03
	Thanh toán dịch vụ công cộng	10.000.000	4.793.000	0,48	8,06
	Văn phòng phẩm	12.000.000	1.500.000	0,13	0,32
	Vật tư văn phòng	5.000.000	-	-	-
	Công tác phí	25.200.000	-	-	-
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	30.000.000	-	-	-
	Chi tiếp khách	18.800.000	-	-	-
	Thuê nhà	30.000.000	-	-	-
	Chi khác	105.000.000	45.319.000	0,43	6,25
	Quỹ phúc lợi	100.000.000	21.000.000	0,21	
III	Số nộp ngân sách	200.000.000	108.418.000	0,54	0,41
1	Chi sự nghiệp	-	-	-	-
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.083.000.000	249.858.983	1,36	0,85
I	Nguồn kinh phí chi thường xuyên : 13	1.009.000.000	228.858.983	0,25	0,85
	Mục 6000: Tiền lương	401.000.000	51.101.040	0,13	0,52
	Lương ngạch, bậc	401.000.000	51.101.040	0,13	0,52

Mục 6100: Phụ cấp lương	256.000.000	40.889.690	0,38	0,48
Phụ cấp chức vụ	25.000.000	2.086.000	0,08	0,48
Phụ cấp làm thêm giờ	175.000.000	33.587.200	0,19	0,87
Phụ cấp trách nhiệm	52.000.000	5.216.490	0,10	0,61
Phụ cấp khác	4.000.000	-	-	-
Mục 6300: Các khoản đóng góp	150.000.000	43.416.953	0,98	4,70
Bảo hiểm xã hội	111.700.000	34.190.498	0,31	1,32
Bảo hiểm Y tế	19.100.000	5.131.806	0,27	1,16
Kinh phí Công đoàn	12.800.000	2.974.200	0,23	1,01
Bảo hiểm thất nghiệp	6.400.000	1.120.449	0,18	1,20
Mục 6500: T/toán d/vụ công cộng	8.000.000	1.340.300	0,37	0,63
Tiền điện	6.000.000	908.000	0,15	0,63
Tiền nước	2.000.000	432.300	0,22	
Mục 6550: Vật tư văn phòng	33.000.000	33.896.100	2,06	7,49
Văn phòng phẩm	11.000.000	11.504.100	1,05	1,47
Mua sắm dụng cụ VP				
Tiền vật tư văn phòng	22.000.000	22.392.000	1,02	6,02
Mục 6600: Thông tin, truyền truyền	9.600.000	600.400	0,19	2,10
Cước phí điện thoại	6.600.000	73.900	0,01	0,74
Cước phí Internet	3.000.000	526.500	0,18	1,37
Mục 6700: Công tác phí	35.200.000	7.000.000		0,90
Tiền vé máy bay, tàu, xe	5.000.000	-	-	-
Phụ cấp công tác phí	5.000.000	-	-	-
Tiền thuê phòng ngủ	-	-	-	-
Khoán công tác phí	25.200.000	7.000.000	0,28	0,90
Mục 6900: Sửa chữa tài sản th/xuyên	20.000.000	12.865.000	0,64	0,08
Các thiết bị CNTT	10.000.000	-	-	-
Tài sản thiết bị VP	10.000.000	12.865.000	1,29	1,43
Mục 7000: Chi phí ng/vụ chuyên môn	27.000.000	24.776.900	1,25	
Chi mua hàng hóa vật tư	12.000.000	15.000.000	1,25	
Chi phí hoạt động	10.000.000	9.776.900	0,98	
Chi khác	5.000.000	-	-	-
Mục 7750: Chi khác	41.200.000	12.972.600	0,72	0,74
Chi tiếp khách	18.000.000	12.900.000	0,72	0,74
Chi các khoản khác	23.200.000	72.600	0,00	-
Mục 7900: Chi cho các sự kiện lớn	8.000.000	-	-	-

	Chi kỷ niệm ngày lễ lớn	8.000.000		-	-
II	Nguồn kinh phí chi không thường xuyên : 12	36.000.000	21.000.000	1,11	1,00
	Chi phí thuê mướn	36.000.000	9.000.000	0,25	1,00
	Thuê lao động trong nước	36.000.000	9.000.000	0,25	1,00
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	14.000.000	12.000.000	0,86	-
	Chi phí bảo trì phần mềm	14.000.000	12.000.000	0,86	-
	Mục 6950 Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	25.000.000	-	-	-
	Tài sản và thiết bị văn phòng	25.000.000		-	-

Người lập

[Handwritten signature]

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



[Handwritten signature]
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đặng Xuân Trường